

XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI KINH TẾ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở MIỀN NÚI TRONG GIAI ĐOẠN TỚI

■ Bùi Minh Hào



Nghệ An là địa phương có một vùng miền núi rộng lớn với nhiều dân tộc thiểu số cùng sinh sống. Trong nhiều năm qua, đời sống của các dân tộc thiểu số ở miền núi đã được quan tâm trên nhiều phương diện và cấp độ khác nhau. Trong đó, tập trung vào lịch sử hình thành, các truyền thống văn hóa, các hoạt động sinh kế của các cộng đồng hoặc việc thực hiện các chính sách của nhà nước ở vùng dân tộc thiểu số. Điều đó là cần thiết. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, đời sống kinh tế - xã hội của người dân tộc thiểu số đang thay đổi nhanh chóng dưới tác động của nhiều nhân tố khác nhau. Sự biến đổi trở thành một vấn đề quan trọng trong việc nghiên cứu và ứng dụng vào hoạch định phát triển vùng dân tộc thiểu số. Mà điều đó chưa được quan tâm nhiều lắm. Vậy nên, trong bài viết này, qua những cứ liệu và lập luận khác nhau, chúng tôi muốn trình bày những xu hướng biến đổi kinh tế của vùng dân tộc thiểu số ở miền núi nhằm cung cấp một cái nhìn bao quát hơn về chuyển động kinh tế ở miền núi. Qua đó, hi vọng sẽ gợi mở ra nhiều vấn đề mới, góp phần vào việc xây dựng chính sách và hoạch định chiến lược phát triển của tỉnh nhà một cách khách quan và phù hợp hơn nữa.

1. Các nhân tố ảnh hưởng

Có 4 nhân tố chính ảnh hưởng đến sự biến đổi kinh tế vùng dân tộc thiểu số ở miền núi. Thứ nhất là quá trình toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam theo nhiều phương thức, chiều hướng khác nhau. Có những cộng đồng chịu tác động thụ động, bởi xét nhiều góc độ, người dân vùng dân tộc thiểu số chưa hẳn đã hiểu toàn cầu hóa là quá trình gì. Nhưng điều đó không làm cho họ tránh khỏi các ảnh hưởng của toàn cầu hóa. Tuy nhiên, cũng có nhiều cộng đồng đã chủ động tiếp cận quá trình toàn cầu hóa trên một số phương diện khác nhau. Toàn cầu hóa đẩy mạnh giao lưu, tiếp xúc văn hóa cũng như tạo ra nhiều mối liên kết về kinh tế liên tộc người, liên/xuyên quốc gia; Tạo ra mạng lưới xã hội rộng lớn để đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường; Và cũng tạo ra nhiều kênh khác nhau để trao đổi hàng hóa, dịch vụ; Làm cho sự tương tác kinh tế và cả văn hóa giữa các tộc người một cách nhanh và mạnh mẽ hơn. Toàn cầu hóa cũng làm cho các cộng đồng tộc người khác nhau tương tác với nhau nhiều hơn, tiếp xúc và giao lưu văn hóa trở nên mạnh mẽ hơn. Trước hết là các dân tộc ở Việt Nam với các dân tộc ở các quốc gia khác. Tiếp theo là các dân tộc thiểu số với người Kinh. Sau đó nữa là các dân tộc thiểu số với nhau. Bên cạnh sức ép đến từ việc cần tương tác, hợp tác để giải quyết các vấn đề chung, còn có nhu cầu hợp tác để mở rộng quan hệ xã hội, tìm kiếm cơ hội phát triển, tìm kiếm nguồn lực trong quá trình phát triển.

Thứ hai là quá trình hiện đại hóa. Nếu như trước đây, quá trình hiện đại hóa tác động chủ yếu đến người Kinh ở vùng đồng bằng và một số vùng miền núi có điều kiện phát triển, thì ngày nay, nó đã lan tỏa và tác động sâu rộng đến các cộng đồng dân tộc thiểu số ở miền núi. Từ những vùng thung lũng của các dân tộc như Thái, Tày, Mường... đến vùng lưng chừng đồi như người Dao, Giáy... hay vùng đỉnh núi cao nơi những người Mông sinh sống đều chịu/bị ảnh hưởng của quá trình hiện đại hóa. Nếu người Kinh đang “Tây hóa” để thể hiện sự hiện đại của mình thì một bộ phận lớn người dân tộc thiểu số ở miền núi đang “Kinh hóa” để thể hiện sự hiện đại đó. Và quá trình này đang ngày càng sâu rộng, hứa hẹn những bước đi quanh co, phức

tạp và khó đoán của các nền văn hóa dân tộc thiểu số ở miền núi. Cơ sở vật chất hạ tầng được hiện đại hóa giúp cho việc giao thông đi lại và giao thương kinh tế trở nên thuận tiện hơn. Các phương tiện, trang thiết bị hiện đại như xe máy, xe ô tô, máy cày, máy kéo, tủ lạnh, nồi cơm điện, quạt điện... xuất hiện và ngày càng phổ biến trong đời sống sản xuất cũng như sinh hoạt ở các gia đình người dân tộc thiểu số. Đặc biệt là sự xuất hiện phổ biến của điện thoại di động cùng mạng internet. Nó làm cho quá trình liên lạc, tương tác giữa con người với nhau, giữa các cộng đồng cũng trở nên mạnh mẽ hơn. Nhiều giao dịch kinh tế hiện nay đã được sự trợ giúp đắc lực từ điện thoại và mạng xã hội. Hiện đại hóa cũng đang tác động mạnh mẽ đến bản sắc văn hóa truyền thống của các cộng đồng. Các sinh hoạt văn hóa đang thay đổi nhanh chóng theo hướng tiếp nhận các giá trị văn hóa mới. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang bị mai một và có nguy cơ bị mất mát. Tuy nhiên, trong một tương lai không xa, có lẽ khoa học công nghệ sẽ lại đóng vai trò quan trọng trong việc tái tạo lại bản sắc văn hóa cộng đồng cho người dân.

Thứ ba là quá trình thị trường hóa. Các nền kinh tế vùng dân tộc thiểu số đang phát triển theo hướng thị trường hóa. Nó được biểu hiện đa dạng và nhiều mức độ khác nhau đối với các dân tộc có trình độ phát triển khác nhau. Theo thời gian, thị trường đang len lỏi đến những vùng xa xôi, hẻo lánh, khi con người được mở mang và có nhu cầu giao lưu, giao thương thì thị trường sẽ xuất hiện để đáp ứng nhu cầu đó. Về mặt cộng đồng, muốn phát triển và đáp ứng nhu cầu phát triển thì cũng cần gia nhập thị trường để tăng cường nguồn lực và phát huy lợi thế của mình. Về mặt cá nhân, tiếp cận thị

trường trở thành một trong những năng lực quan trọng để khẳng định giá trị bản thân cũng như để tiệm cận sự phát triển nhằm đem lại lợi ích cho cá nhân, gia đình và cộng đồng. Thị trường trở thành một làn sóng mạnh mẽ tấn công vào đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của con người vùng dân tộc thiểu số.

Thứ tư là chính sách phát triển vùng dân tộc thiểu số của Đảng và Nhà nước. Công tác dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam có thể được xem là nhân tố tác động mạnh mẽ và nhanh chóng nhất, theo con đường từ trên xuống. Ngay từ khi giành được chính quyền năm 1945, Việt Nam đã tiến hành xây dựng hệ thống chính sách dân tộc để quản lý và phát triển vùng dân tộc thiểu số cũng như gắn vùng dân tộc thiểu số với quá trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Qua các giai đoạn khác nhau, chính sách dân tộc cũng thay đổi để phù hợp với điều kiện, bối cảnh của đất nước. Về cơ bản, hệ thống chính sách dân tộc ngày càng hoàn thiện hơn, chặt chẽ hơn và được thực hiện nghiêm chỉnh hơn, bài bản hơn. Đặc biệt trong gần hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI, hệ thống chính sách dân tộc không ngừng được bổ sung, hoàn thiện để phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước. Sự phát triển vùng dân tộc thiểu số càng đa dạng thì hệ thống chính sách dân tộc cũng đa dạng theo. Nhiều khi, nó tạo ra sự phức tạp, chông chéo giữa các chính sách, gây khó khăn cho việc quản lý và thực hiện cũng như làm cho hiệu quả của các chính sách bị hạn chế. Hệ thống chính sách dân tộc gồm các

chính sách của Trung ương và các chính sách của địa phương. Trong giai đoạn 2021-2030, Việt Nam tiến hành thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với nguồn kinh phí lên đến gần 272 nghìn tỷ đồng. Theo đó, để thực hiện chương trình trọng điểm này thì sẽ có nhiều chính sách cụ thể được Đảng và Nhà nước đưa ra và đi vào cuộc sống. Những chính sách này sẽ là nhân tố tác động mạnh mẽ và góp phần quyết định sự biến đổi đời sống kinh tế vùng dân tộc thiểu số.

2. Xu hướng biến đổi kinh tế vùng dân tộc thiểu số trong thời gian tới

2.1. Kinh tế thị trường tiếp tục phát triển mạnh mẽ và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống người dân tộc thiểu số

Đây là một xu hướng phát triển tất yếu bởi Việt Nam ngày càng hội nhập mạnh mẽ vào kinh tế thế giới. Vùng dân tộc thiểu số, sau một thời gian gần hai thập kỷ làm quen với kinh tế thị trường một cách chậm chạp, khá thụ động thì trong thập niên tới hứa hẹn mọi thứ sẽ thay đổi. Các tập đoàn kinh tế lớn đang có xu hướng đầu tư mạnh mẽ hơn vào khu vực vùng dân tộc thiểu số. Các



Du lịch cộng đồng được hi vọng sẽ phát huy hiệu quả vốn văn hóa của các dân tộc
(Ảnh: Du lịch cộng đồng ở Quý Châu, Nghệ An)

doanh nghiệp vừa cũng quan tâm nhiều đến đầu tư phát triển một số lĩnh vực liên quan đến khai thác tài nguyên cũng như tận dụng lợi thế nguồn nhân lực trẻ vùng dân tộc thiểu số. Các doanh nghiệp nhỏ, với nguồn vốn tài chính hạn hẹp hay bước đầu tham gia vào hành trình khởi nghiệp cũng sẽ lựa chọn đầu tư phát triển ở vùng miền núi, nhằm tận dụng lợi thế linh động của mình. Và đặc biệt, sau quá trình làm quen với kinh tế thị trường, người dân tộc thiểu số bắt đầu chủ động tham gia phát triển kinh tế thị trường với các cấp độ khác nhau từ thành lập công ty nhỏ, các hợp tác xã kiểu mới, các nhóm hợp tác phát triển kinh tế và kinh tế hộ gia đình. Sự chủ động tham gia thị trường của người dân tộc thiểu số hứa hẹn sẽ làm thay đổi cơ bản và sâu sắc đời sống kinh tế - xã hội và văn hóa của chính họ. Một mặt, họ sẽ tận dụng được những lợi thế về tri thức dân gian, về vốn văn hóa của mình để phát triển kinh tế hiệu quả hơn. Mặt khác, họ cũng đẩy văn hóa truyền thống vốn đã mai một đi nhiều lại còn thay đổi nhanh chóng hơn trong quá trình phát triển. Tuy nhiên, do có sự chủ động nên người dân tộc thiểu số lại tham gia nhiều hơn vào quá trình tái tạo truyền thống văn hóa của chính họ để thích ứng với điều kiện mới cũng như phù hợp hơn với quá trình phát triển. Kinh tế thị trường vùng dân tộc thiểu số trong thập niên tới sẽ phát triển nhộn nhịp hơn, đa dạng hơn và đa chiều hơn. Đó là những tín hiệu thay đổi cần thiết nhưng cũng cần được nhận thức và quản lý phù hợp nhằm ổn định và phát triển một cách hiệu quả.

2.2. Nguồn lực trọng tâm của kinh tế sẽ chuyển từ vốn tự nhiên sang vốn văn hóa, vốn xã hội và các nguồn lực mềm

Trước đây, kinh tế vùng dân tộc thiểu số chủ yếu dựa vào khai thác tự nhiên. Khai thác tài nguyên đất rừng để làm nương rẫy, ruộng nước; khai thác các lâm thổ sản trong rừng từ hái lượm, săn bắt đến phát triển kinh tế rừng; khai thác thủy sản ở các dòng sông, con suối để cải thiện đời sống... Trong mấy năm qua, dù kinh tế thị trường đã phát triển mạnh hơn nhưng nhìn chung vẫn dựa vào nguồn lực tự nhiên là chủ yếu. Tuy nhiên, theo xu hướng phát triển thì trong giai đoạn tới, các nguồn lực sẽ có sự thay đổi quan trọng: nguồn lực tự nhiên vẫn quan trọng nhưng vai trò của các nguồn

lực văn hóa, xã hội sẽ tăng lên nhanh chóng và giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế. Trước hết là nguồn vốn văn hóa, một nguồn lực quan trọng bậc nhất trong phát triển miền núi giai đoạn tới. Nhiều chính sách đã được đưa ra như phát triển kinh tế di sản, công nghiệp văn hóa, kinh tế dược liệu, du lịch cộng đồng... là những con đường mà người ta hi vọng sẽ phần nào phát huy được vốn văn hóa của các dân tộc. Có nhiều nơi đã thực hiện có hiệu quả một số mô hình phát huy vốn văn hóa vào phát triển kinh tế thị trường như du lịch cộng đồng ở người Thái, người Mường, người Mông, người Dao... Về kinh tế dược liệu như người Dao, người M'Nông (với các thương hiệu nổi tiếng như thuốc tắm Dao Đỏ, thuốc ngâm rượu Ama Kong...)... Hay về thương mại hóa các sản phẩm thủ công nghiệp như dệt may thổ cẩm, gốm sứ... Và đó cũng là những tín hiệu đáng mừng, báo hiệu cho thấy trong giai đoạn tới vốn văn hóa sẽ càng có vai trò trong phát triển kinh tế. Nhưng quan trọng là cần có những chính sách phát triển phù hợp và hiệu quả.

Bên cạnh vốn văn hóa thì vốn xã hội cũng là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế trong giai đoạn tới. Vốn xã hội bao gồm mạng lưới xã hội, lòng tin xã hội và các mối quan hệ xã hội cũng như năng lực tạo dựng và quản lý các quan hệ xã hội, các mạng lưới xã hội của con người. Trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay, vốn xã hội có một vai trò vô cùng quan trọng. Nhưng nó lại là điểm hạn chế lớn đối với người dân vùng dân tộc thiểu số. Mạng lưới xã hội và các quan hệ xã hội nội tại của các cộng đồng vẫn được gìn giữ, dù có nhiều thay đổi nhất định. Nhưng các quan hệ và mạng lưới quan hệ xã hội ngoại tại với các nhóm khác, nhất là các đối tác làm ăn

trong kinh tế thị trường thì họ lại rất hạn chế. Chính vì nguồn vốn xã hội hạn chế nên họ khó tiếp cận các chính sách phát triển, các nguồn lực phát triển cũng như tham gia vào thị trường một cách thụ động. Tuy nhiên, trong mấy năm gần đây, một mặt nhờ công nghệ thông tin, một mặt là tác động từ các chương trình phát triển, các khóa tập huấn từ các chính sách nên vốn xã hội của người dân tộc thiểu số đang được nâng lên đáng kể. Và càng ngày, nguồn lực này càng được người dân vận dụng vào phát triển kinh tế. Qua quan sát thực tế cho thấy, những người làm ăn hiệu quả khi tham gia vào kinh tế thị trường ở vùng dân tộc thiểu số là những người có vốn xã hội nhiều hơn so với những người khác. Trong những năm tới, vốn xã hội sẽ càng trở thành nguồn lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của người dân tộc thiểu số.

2.3. Các doanh nghiệp lớn sẽ ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế vùng dân tộc thiểu số qua việc chi phối đến các nguồn tài nguyên quan trọng

Chúng ta từng chứng kiến Tây Nguyên thay đổi khi các tập đoàn kinh tế đầu tư vào phát triển cây công nghiệp từ cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, chè... Và càng ngày, mối quan tâm của nhiều tập đoàn kinh tế lớn đến việc đầu tư phát triển kinh tế ở vùng dân tộc thiểu số càng tăng lên. Sự đầu tư này tập trung vào việc thuê, mua đất đai ở vùng dân tộc thiểu số để phát triển một số lĩnh vực như chăn nuôi trang trại, trồng cây công nghiệp, khai thác chế biến thủy hải sản, khai thác

các loại dược liệu, đầu tư thủy điện... Sự đầu tư lớn thì đương nhiên họ cũng qua thuê, mua đất đai với diện tích lớn. Qua đó họ cũng kiểm soát nguồn tài nguyên quan trọng là đất, rừng và nguồn nước. Thủy điện ảnh hưởng đến đời sống người dân tộc thiểu số như thế nào thì truyền thông, báo chí và các nhà nghiên cứu đã đề cập đến rất nhiều. Nhưng gần đây, nhiều doanh nghiệp lớn đầu tư vào một số lĩnh vực mới ở vùng dân tộc thiểu số như thành lập trang trại chăn nuôi trên quy mô lớn (như chăn nuôi bò sữa gắn với trồng cỏ để nuôi bò), xây dựng các xí nghiệp khai thác, trồng và chế biến dược liệu. Bên cạnh đó là trồng cây công nghiệp lâu năm (phổ biến từ thời Pháp đến nay). Những hoạt động của các tập đoàn kinh tế lớn tại vùng dân tộc thiểu số ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống kinh tế - xã hội của người dân. Về mặt tích cực, họ tạo ra công ăn việc làm tại chỗ cho người dân, giúp người dân tăng thu nhập và cải thiện đời sống. Qua các hoạt động sản xuất và kinh doanh, các doanh nghiệp lớn cũng tạo điều kiện để cải thiện hạ tầng công nghệ thông tin ở địa phương, áp dụng khoa học - công nghệ vào hoạt động kinh tế. Về mặt tiêu cực



Thuốc tắm Dao Đỏ - sản phẩm được điều chế từ nguồn vốn tri thức dân gian về y học của người Dao hiện nay đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng

của vấn đề cũng không nhỏ. Các doanh nghiệp lớn thông qua thu mua hay thuê đã chiếm dụng được các tài nguyên quan trọng khiến cho nguồn lực tài nguyên của người dân lại bị hạn hẹp thêm.

2.4. Thứ tư, các doanh nghiệp nhỏ và các nhóm sản xuất sẽ vươn lên và có vị thế nhất định trong nền kinh tế vùng dân tộc thiểu số

Việc các nguồn lực để phát triển kinh tế thị trường ở vùng dân tộc thiểu số còn hạn hẹp nên khó để phát triển các doanh nghiệp bậc trung. Thành ra, phát triển doanh nghiệp nhỏ và các nhóm sản xuất là một xu hướng khá phổ biến hiện nay và trong giai đoạn tới sẽ càng trở nên quan trọng. Hiện nay, chưa có số liệu chính thức về số lượng các doanh nghiệp nhỏ ở vùng dân tộc thiểu số nhưng có thể ước tính có hàng vạn doanh nghiệp đã và đang hoạt động tại các vùng này. Bởi theo số liệu của Tổng Cục Thống kê cho biết chỉ 3 tháng đầu năm 2019, riêng khu vực trung du và miền núi phía Bắc có 1.074 doanh nghiệp mới thành lập, khu vực Tây Nguyên có 753 doanh nghiệp mới. Như vậy có thể thấy, theo từng năm, có hàng ngàn doanh nghiệp mới được thành lập ở vùng dân tộc thiểu số, mà chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ (vốn điều lệ dưới 10 tỷ đồng). Trước đây, chủ các doanh nghiệp chủ yếu là người Kinh nhưng hiện nay, số lượng người dân tộc thiểu số đứng ra thành lập doanh nghiệp đang ngày càng tăng lên. Hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ làm thay đổi nhanh chóng đời sống kinh tế - xã hội của người dân tộc thiểu số. Xin phân tích một ví dụ về hoạt động của Công ty Cổ phần khai thác các sản phẩm bản địa Sa Pa ở xã Tả Phìn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Đây là một doanh nghiệp do những người Dao Đỏ đứng ra thành lập và quản lý. Họ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc tẩm Dao Đỏ, một sản phẩm được điều chế từ nguồn vốn tri thức dân gian về y học của người Dao mà hiện nay đã trở thành một thương hiệu nổi tiếng. Hiện nay, mỗi năm công ty này đã sản xuất ra hàng vạn chai thuốc tẩm cung cấp cho thị trường tại chỗ để phục vụ du khách cũng như ở các nơi khác như thị trấn Sa Pa, thành phố Lào Cai, Hà Nội, nhiều tỉnh thành khác trong nước cũng như một số điểm ở Lào, Thái Lan. Nguồn thu hàng năm của công ty đã lên đến hàng chục tỷ đồng. Điều đáng nói là công ty này đã

tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương. Ngoài một số người làm việc ngay trong công ty thì rất nhiều người dân đã tham gia vào việc trồng nguyên liệu để cung cấp cho công ty hay đi vào rừng lấy cây thuốc về bán lại cho công ty. Công ty cũng cung cấp thuốc đã chiết xuất cho một số hộ gia đình hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng để phục vụ du khách bên cạnh những thuốc tẩm họ nấu trực tiếp. Tuy nhiên, hoạt động của công ty cũng làm cho nguồn nguyên liệu thuốc tẩm ở địa phương bị cạn kiệt. Quy trình sản xuất thuốc tẩm là từ tri thức dân gian của cộng đồng nên việc đăng ký bản quyền thương mại sẽ gây ra những xung đột lợi ích giữa doanh nghiệp và cộng đồng.

Bên cạnh các doanh nghiệp nhỏ thì các tổ chức hoạt động kinh tế như hợp tác xã, liên hợp hợp tác xã và nhóm tổ sản xuất kinh doanh cũng ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số. Theo thống kê của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam thì đến đầu năm 2020, vùng dân tộc thiểu số có 11.558 hợp tác xã, 35 liên hiệp hợp tác xã, 61.471 tổ hợp tác tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội. Nếu như các hợp tác xã hay liên minh hợp tác xã tập hợp được nhiều người dân và có nguồn vốn lớn hơn để hoạt động thì các nhóm sản xuất, tổ hợp tác lại đang được nhiều địa phương vùng dân tộc chú ý. Có thể là mấy anh em trong gia đình cùng tham gia thành lập một nhóm để vừa góp vốn, vừa phân công lao động hợp lý để phát triển. Cũng có thể là những người bạn cùng hợp tác với nhau khi họ quan tâm đến một lĩnh vực. Những hình thức tổ chức này khá phù hợp trong việc phát triển thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ nhỏ. Càng ngày hoạt động của các hợp tác xã và các nhóm sản xuất càng phát

triển hơn và tác động mạnh mẽ hơn đến đời sống người dân. Đây là hình thức cùng nhau tập hợp lại để phát triển nhằm cạnh tranh với các doanh nghiệp nhỏ. Với tính linh động cao, các mô hình này ngày càng phổ biến ở nhiều địa phương do người dân tổ chức dựa trên mạng lưới quan hệ thân thiết và sự phân công lao động tự nguyện, tự phân chia với nhau.

2.5. Chất lượng nguồn nhân lực sẽ là vấn đề đáng lo ngại trong quá trình phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số

Phát triển nguồn nhân lực, theo cách hiểu của Ủy ban Dân tộc Việt Nam là “quá trình tạo ra nguồn lao động khỏe về thể chất, lành mạnh về tinh thần, đạt trình độ giáo dục cao, được đào tạo nghề nghiệp, có lối sống và tác phong phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới (hội nhập quốc tế, đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa)”. Theo cách hiểu hiện nay, phát triển nguồn nhân lực là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện cũng như tạo ra các môi trường lành mạnh và bền vững để con người không chỉ phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, hoàn thiện kỹ năng của mình mà còn tham gia vào quá trình phát triển, thể hiện ý chí làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống và có ích cho xã hội.

Nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số đang quá lạc hậu so với sự thay đổi và phát triển của đời sống kinh tế nên trở thành một trở ngại lớn cho quá trình phát triển. Nguy cơ về cuộc khủng hoảng nhân lực sẽ diễn ra khi mà phần lớn thanh niên ở vùng dân tộc

thiểu số lựa chọn di cư đến các vùng đô thị xa quê để kiếm việc làm do thiếu công việc tại chỗ. Sự chuyển đổi từ kinh tế truyền thống sang kinh tế thị trường cũng làm dôi ra nhiều lao động trong khi cơ cấu kinh tế lẫn cơ cấu nghề nghiệp vùng dân tộc thiểu số còn chưa đa dạng để đáp ứng nhu cầu việc làm. Bên cạnh đó, người dân tộc thiểu số cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp thu các kỹ năng tiếp cận các nguồn lực mới, các nguồn lực mềm để phát triển trong bối cảnh kinh tế thị trường. Còn những kỹ năng và kinh nghiệm về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp thì ngày càng ít sử dụng do diện tích đất rừng ngày càng ít hơn.

3. Một số vấn đề đặt ra

Trong xu hướng biến đổi kinh tế vùng dân tộc ở miền núi trong giai đoạn tới, cần phải quan tâm đến một số vấn đề quan trọng như sau:

Trước hết là định hướng phát triển bền vững, phát triển hài hòa và phát triển lành mạnh cần được quán triệt và thực hiện nghiêm túc. Lâu nay chúng ta nói nhiều về phát triển bền vững nhưng tập trung vào các diễn ngôn mang tính chính trị nhiều hơn là thực hành vào các quá trình phát triển cụ thể. Ở miền núi, các nguồn tài nguyên quan trọng ảnh hưởng lớn đến cuộc sống chung của mọi người đã và đang bị khai thác cạn kiệt. Rừng bị tàn phá không thương tiếc và hệ quả là lũ lụt ngày càng nguy hiểm và mức độ ảnh hưởng tăng lên. Các con suối, dòng sông cũng bị ô nhiễm nhanh chóng. Đất đai bị xói mòn, giảm chất lượng. Các loại khoáng sản bị khai thác một cách quá mức. Bên cạnh đó, các yếu tố văn hóa truyền thống bị mai một, mất mát nhanh chóng hơn. Vấn đề con người và an ninh con người chưa được quan tâm giải quyết một cách triệt để. Trong tương lai,



Cây dược liệu được trồng trên nhiều địa phương của tỉnh Nghệ An



Chất lượng nguồn nhân lực là vấn đề cần được quan tâm trong quá trình phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số

để hạn chế tình trạng này thì cần phải có những chiến lược phát triển bền vững, lành mạnh và hài hòa.

Thứ hai là kinh tế thị trường ngày càng phát triển mạnh mẽ thì sự phân hóa xã hội vùng dân tộc sẽ sâu sắc hơn. Những người nắm được các nguồn lực quan trọng, bao gồm các nguồn lực tự nhiên như tài nguyên thiên nhiên hay các nguồn lực xã hội như năng lực cá nhân, mạng lưới xã hội, vốn văn hóa, kỹ năng tiếp cận các nguồn lực hiện đại... sẽ vươn lên và trở thành những gia đình giàu có hơn. Trong khi đó, những người không theo kịp xu thế phát triển, không tiếp cận được các nguồn lực sẽ bị bỏ lại phía sau, gặp nhiều khó khăn hơn trong quá trình phát triển. Sự phân hóa xã hội ngày càng sâu sắc làm cho phân tầng xã hội thêm đa dạng và phức tạp. Vậy nên cần phải có những chính sách phát triển phù hợp, vừa kiểm soát được các nguồn lực phát triển của cộng đồng, vừa hỗ trợ hợp lý cho những người yếu thế, khó tiếp cận các nguồn lực phát triển. Qua đó hạn chế phân hóa xã hội và tránh các xung đột không cần thiết.

Thứ ba là xung đột xã hội và xung đột lợi ích sẽ tăng lên. Nói đến kinh tế thì lợi ích là một vấn đề quan trọng. Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, xung đột lợi ích là điều không thể tránh khỏi. Xung đột ngày càng đa dạng hơn từ đối tượng đến phương thức thể hiện. Về đối tượng, đó là xung đột lợi ích giữa các cộng đồng với nhau, xung đột giữa các nhóm với nhau, giữa các nhóm với cộng đồng, giữa cá nhân với cá nhân, giữa các cá nhân với cộng đồng, giữa các doanh nghiệp với nhau, giữa doanh nghiệp với cộng

đồng hay giữa các cá nhân với doanh nghiệp... Phương thức thì có xung đột trực tiếp hay xung đột gián tiếp, cạnh tranh với nhau hay tiêu diệt lẫn nhau... Để hạn chế xung đột lợi ích thì cần có chính sách đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan một cách hợp lý, nhất là quyền lợi về việc tiếp cận các nguồn lực phát triển. Bên cạnh đó, cần phải đặt người bản địa vào trung tâm của quá trình phát triển và quan tâm đến các dự án phát triển cộng đồng, phát triển từ dưới lên.

Một vấn đề nữa không thể không đề cập đến, đó là phát triển kinh tế gắn với bảo vệ an ninh con người và an ninh quốc gia. Từ lâu nay, an ninh quốc gia vẫn luôn là vấn đề được Nhà nước quan tâm hàng đầu. Các chính sách phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số, nhất là vùng biên giới luôn coi đây là vấn đề trọng tâm. Và hiện nay còn phải gắn với an ninh con người, tức là mở rộng khái niệm an ninh và gắn với khái niệm quyền con người để xây dựng chính sách phát triển. Và càng ngày, vấn đề an ninh con người càng gắn chặt với an ninh quốc gia. Trong vấn đề an ninh, phát triển kinh tế cũng trở thành một nhân tố quan trọng. Phải phát triển mạnh để người dân sống tốt hơn thì cộng đồng quốc gia mới mạnh hơn và an ninh mới được đảm bảo./.